

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 15/FONTERRA BRANDS VIỆT NAM/2024



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tòa nhà Bitexco Financial, số 02, đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3910 5659

Email: tam.le@fonterra.com

Website: www.anlene.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0309538611

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12, nghị định 15/2018/NĐ-CP.

II. Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: ANLENE GOLD HƯƠNG VANI

2. Thành phần: Sữa bột từ sữa bò (68,5%) (Sữa bột gầy, Bột bơ sữa - nguồn cung cấp màng cầu chất béo sữa (MFGM)), Maltodextrin, Khoáng chất (Calci carbonat, Magnesi carbonat, Sắt (III) pyrophosphat, Kẽm oxyd), Hương liệu nhân tạo (hương sữa, hương vani), Collagen tuýp 1 (từ cá), Vitamin [Vitamin C (Natri-L-ascorbat), Vitamin E (DL-alpha-tocopheryl acetat), Vitamin B3 (Nicotinamid), Vitamin D (Cholecalciferol), D-Biotin, Vitamin A (Retinyl acetat), Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid), Vitamin B5 (D-pantothenat, calci), Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid), Vitamin B9 (Acid pteroylmonoglutamic)].

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

+ Đối với sản phẩm đựng trong hộp giấy: 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem ở nắp hộp.

+ Đối với sản phẩm đựng trong lon thiếc: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem ở đáy lon.



4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

+ Quy cách đóng gói: đóng gói kín. Khối lượng tịnh: 400 g, 800 g, 1,2 kg (2 gói x 600 g).
Hoặc quy cách khác theo nhu cầu thị trường.

- Hộp giấy loại 1,2 kg (2 gói x 600 g): khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton, mỗi thùng 8 hộp.
- Lon thiếc loại 400 g: khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton, mỗi thùng 24 lon.
- Lon thiếc loại 800 g: khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton, mỗi thùng 12 lon.

+ Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong lon thiếc, nắp nhựa PP hoặc đựng trong túi thiếc, ghép kín, bên ngoài là hộp giấy. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- + Sản xuất tại: Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd.
- + Địa chỉ: Lot 12, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam, Selangor, Malaysia.
- + Xuất xứ: Malaysia

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- + QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- + QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- + QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- + Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- + Thông tư số 17/2023/TT-BYT: Thông tư sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH
FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)**



TỔNG GIÁM ĐỐC

LOKUGER ROSHAN THARANGA DE SILVA



XUẤT KHẨU BỞI
Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd.
No. 23, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech
Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam,
Selangor Darul Ehsan, Malaysia.
Xuất xứ: Malaysia.

SẢN XUẤT TẠI
Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd.
Lot 12, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech
Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam,
Selangor, Malaysia.

CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS
(VIỆT NAM)
Văn phòng: Bưu cục Financel, số 02 đường Hải
Trần, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam.
*Tất cả các nhãn hiệu của sản phẩm này đều
thuộc về nhãn chủ sở hữu của Fonterra
Nhãn sản xuất và tên sử dụng của sản phẩm
Bưu cục Bưu cục Bưu cục Bưu cục Bưu cục
VIỆT NAM/2024



CTP-HEX

Anlene
GOLD

HƠN 30 NĂM NGHIÊN CỨU TRONG
DINH DƯỠNG CƠ XƯƠNG KHỚP

Anlene
GOLD

DÀNH CHO NGƯỜI TỪ
40 TUỔI TRỞ LÊN



HƯƠNG VANI
400 g

7mm



Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa



THÀNH PHẦN

Sữa bột toàn phần (68-55%) (Sữa bột gầy)
Bột bơ sữa - nguồn cung cấp năng lượng
chất béo sữa (MFGM), Melanoxanthin,
kẽbonat, Sắt (II) pyrophosphat, Kẽm
oxyl, Hương liệu nhân tạo (hương sữa,
hương vani), Collagen thủy phân (Ivcol),
Vitamin E (DL- α -tocopherol acetate),
Vitamin B3 (Nicotinamide), Vitamin D
(Cholecalciferol), D-Biotin, Vitamin A
(Retinyl acetate), Vitamin B6 (Pyridoxin
hydroclorid), Vitamin B5 (D-pantothemat,
calcit), Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid),
Vitamin B12 (Acid pteroylmethylaminic)).

Anlene
GOLD

HƠN 30 NĂM NGHIÊN CỨU TRONG
DINH DƯỠNG CƠ XƯƠNG KHỚP

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Cho 4 muỗng Anlene (hương 40 g) vào
180 ml nước sạch (sữa mẹ hoặc sữa mẹ
nước ấm) và khuấy đều.

BỐI VỚI NGƯỜI LẦN ĐẦU TIÊN DÙNG SỮA
Đã trình hiện tương không dung nạp lactose
- thành phần tự nhiên của sữa, nên uống sữa
bên cạnh bột đều đặn một lượng nhỏ 50 ml
vào từng đợt lên 180 ml trong vòng 2 tuần.

50 ml 100 ml 150 ml 180 ml
Ngày 1-4 Ngày 5-9 Ngày 10-13 Ngày 14 trở đi

CÁCH BẢO QUẢN

Luôn đậy kín và giữ nơi khô mát, sử dụng tốt
nhất trong vòng 1 tháng sau khi mở nắp.

THÔNG TIN CẢNH BÁO

Không dùng sản phẩm khi đã hết hạn sử dụng.
Sản phẩm có chứa sữa, collagen chiết xuất từ cá.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Tham gia cộng đồng Anlene tại:
facebook.com/AnleneVietnam
www.anlene.com.vn
1800 6060 (miễn phí cước gọi)

PRODUCT CODE

XUOF.net

124.9 mm
130.9 mm

30 mm



399 mm
395 mm

10mm 8mm

386 mm

Anlene
GOLD

Anlene
GOLD

Anlene
GOLD

XUẤT NHẬP KHẨU
Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd.
Lot 12, Jalan Damai 7, Seberang Hijau Industrial Park, Batu Tiga,
40100 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
Xuất xứ: Malaysia

SẢN XUẤT TẠI
Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd.
Lot 12, Jalan Damai 7, Seberang Hijau Industrial Park, Batu Tiga,
40100 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
Xuất xứ: Malaysia

CHẾ NHẬP VÀ PHÂN PHỐI TẠI VIỆT NAM

Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd.
Lot 12, Jalan Damai 7, Seberang Hijau Industrial Park, Batu Tiga,
40100 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
Xuất xứ: Malaysia



9 415007 059080

THÔNG TIN DINH DƯỠNG
50g (phần ăn dặm của 1 hộp 200g)
Giá trị dinh dưỡng trung bình
của phần bột ăn dặm 40g (phần ăn dặm 80g) và nước.
Khẩu phần khuyến nghị: 2-3 ly sữa mẹ mỗi ngày.

Thành phần	Đơn vị	Tổng 100g	Tổng 40g
Năng lượng	Kcal	397	159
Protein	g	2,25	0,9
Chất béo	g	2,2	0,9
Carbohydrate	g	47,0	18,8
Vitamin A	mcg	475	190
Vitamin B1	mcg	8,75	3,5
Vitamin B2	mcg	1,25	0,5
Vitamin B3	mcg	1,25	0,5
Vitamin B5	mcg	4,25	1,7
Vitamin B6	mcg	8,75	3,5
Vitamin B12	mcg	1,25	0,5
Vitamin C	mg	15	6
Vitamin D	mcg	1,25	0,5
Vitamin E	mcg	1,25	0,5
Vitamin K	mcg	1,25	0,5
Vitamin B9	mcg	1,25	0,5
Vitamin B10	mcg	1,25	0,5
Vitamin B11	mcg	1,25	0,5
Vitamin B12	mcg	1,25	0,5
Vitamin B13	mcg	1,25	0,5
Vitamin B14	mcg	1,25	0,5
Vitamin B15	mcg	1,25	0,5
Vitamin B16	mcg	1,25	0,5
Vitamin B17	mcg	1,25	0,5
Vitamin B18	mcg	1,25	0,5
Vitamin B19	mcg	1,25	0,5
Vitamin B20	mcg	1,25	0,5
Vitamin B21	mcg	1,25	0,5
Vitamin B22	mcg	1,25	0,5
Vitamin B23	mcg	1,25	0,5
Vitamin B24	mcg	1,25	0,5
Vitamin B25	mcg	1,25	0,5
Vitamin B26	mcg	1,25	0,5
Vitamin B27	mcg	1,25	0,5
Vitamin B28	mcg	1,25	0,5
Vitamin B29	mcg	1,25	0,5
Vitamin B30	mcg	1,25	0,5
Vitamin B31	mcg	1,25	0,5
Vitamin B32	mcg	1,25	0,5
Vitamin B33	mcg	1,25	0,5
Vitamin B34	mcg	1,25	0,5
Vitamin B35	mcg	1,25	0,5
Vitamin B36	mcg	1,25	0,5
Vitamin B37	mcg	1,25	0,5
Vitamin B38	mcg	1,25	0,5
Vitamin B39	mcg	1,25	0,5
Vitamin B40	mcg	1,25	0,5
Vitamin B41	mcg	1,25	0,5
Vitamin B42	mcg	1,25	0,5
Vitamin B43	mcg	1,25	0,5
Vitamin B44	mcg	1,25	0,5
Vitamin B45	mcg	1,25	0,5
Vitamin B46	mcg	1,25	0,5
Vitamin B47	mcg	1,25	0,5
Vitamin B48	mcg	1,25	0,5
Vitamin B49	mcg	1,25	0,5
Vitamin B50	mcg	1,25	0,5
Vitamin B51	mcg	1,25	0,5
Vitamin B52	mcg	1,25	0,5
Vitamin B53	mcg	1,25	0,5
Vitamin B54	mcg	1,25	0,5
Vitamin B55	mcg	1,25	0,5
Vitamin B56	mcg	1,25	0,5
Vitamin B57	mcg	1,25	0,5
Vitamin B58	mcg	1,25	0,5
Vitamin B59	mcg	1,25	0,5
Vitamin B60	mcg	1,25	0,5
Vitamin B61	mcg	1,25	0,5
Vitamin B62	mcg	1,25	0,5
Vitamin B63	mcg	1,25	0,5
Vitamin B64	mcg	1,25	0,5
Vitamin B65	mcg	1,25	0,5
Vitamin B66	mcg	1,25	0,5
Vitamin B67	mcg	1,25	0,5
Vitamin B68	mcg	1,25	0,5
Vitamin B69	mcg	1,25	0,5
Vitamin B70	mcg	1,25	0,5
Vitamin B71	mcg	1,25	0,5
Vitamin B72	mcg	1,25	0,5
Vitamin B73	mcg	1,25	0,5
Vitamin B74	mcg	1,25	0,5
Vitamin B75	mcg	1,25	0,5
Vitamin B76	mcg	1,25	0,5
Vitamin B77	mcg	1,25	0,5
Vitamin B78	mcg	1,25	0,5
Vitamin B79	mcg	1,25	0,5
Vitamin B80	mcg	1,25	0,5
Vitamin B81	mcg	1,25	0,5
Vitamin B82	mcg	1,25	0,5
Vitamin B83	mcg	1,25	0,5
Vitamin B84	mcg	1,25	0,5
Vitamin B85	mcg	1,25	0,5
Vitamin B86	mcg	1,25	0,5
Vitamin B87	mcg	1,25	0,5
Vitamin B88	mcg	1,25	0,5
Vitamin B89	mcg	1,25	0,5
Vitamin B90	mcg	1,25	0,5
Vitamin B91	mcg	1,25	0,5
Vitamin B92	mcg	1,25	0,5
Vitamin B93	mcg	1,25	0,5
Vitamin B94	mcg	1,25	0,5
Vitamin B95	mcg	1,25	0,5
Vitamin B96	mcg	1,25	0,5
Vitamin B97	mcg	1,25	0,5
Vitamin B98	mcg	1,25	0,5
Vitamin B99	mcg	1,25	0,5
Vitamin B100	mcg	1,25	0,5

PIOF
HỘI LÃNH XƯƠNG
QUỐC TẾ
KHUYÊN DÙNG

PIOF
HỘI LÃNH XƯƠNG
QUỐC TẾ
KHUYÊN DÙNG

PIOF
HỘI LÃNH XƯƠNG
QUỐC TẾ
KHUYÊN DÙNG



141,2 mm
148,2 mm



Report N°: 0000700978

Page N° 1/7

Ho Chi Minh City, Date: October 14, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 14/10/2024

JOB NO.: 2407A-0862

Đơn hàng: 2407A-0862

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : FONTERRA BRANDS (VIETNAM) CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)

CLIENT'S ADDRESS : BITEXCO FINANCIAL TOWER, 2 HAI TRIEU STR., BEN NGHE WARD,
Địa chỉ : DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
TÒA NHÀ BITEXCO FINANCIAL, SỐ 02, ĐƯỜNG HẢI TRIỀU, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : ANLENE GOLD HƯƠNG VANI
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Dairy product (approx. gr. wt. 2.9kg) in 03 full labeled tin
Mô tả mẫu : containers
: Sản phẩm sữa (khoảng 2.9kg bao gồm bao bì) chứa trong 03 vật chứa bằng
thiếc nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2407A-0862.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : July 06, 2024
Ngày nhận mẫu : 06/07/2024

Testing period : July 06, 2024 - August 02, 2024
Thời gian thử nghiệm : 06/07/2024 - 02/08/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

Report N°: 0000700978

Page N° 2/7

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species) <i>Coagulase-positive staphylococci</i> (<i>Staphylococcus aureus</i> và nhóm khác dương tính với coagulase)	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	<10	-	10	cfu/g	
2. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
3. Enterobacteriaceae <i>Enterobacteriaceae</i>	ISO 21528-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
4. Listeria monocytogenes <i>Listeria monocytogenes</i>	ISO 11290-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
5. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.6	-	cfu/25g	
6. Staphylococcal enterotoxin A, B, C, D, E <i>Staphylococcal enterotoxin A, B, C, D, E</i>	ISO 19020:2017 (Δ)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.001	-	µg/25g	
7. Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1</i>	ISO 14501:2021	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	µg/kg	
8. Melamine <i>Melamine</i>	ISO 23970:2021	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
9. DDT (sum of p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE and p,p'-TDE (DDD), expressed as DDT) <i>DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD) quy về DDT)</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
10. Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate, expressed as endosulfan) <i>Endosulfan (tổng của endosulfan I, endosulfan II và endosulfan sulfate quy về endosulfan)</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000700978

Page N° 3/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
11. Aldrin and Dieldrin (sum, expressed as dieldrin) <i>Aldrin và Dieldrin (tổng, quy về dieldrin)</i>	LFOD-TST-SOP-8421 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
12. Cyfluthrin (sum of isomers) <i>Cyfluthrin (tổng các đồng phân)</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
13. DDT, o,p'- <i>DDT, o,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
14. DDT, p,p'- <i>DDT, p,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
15. DDE, p,p'- <i>DDE, p,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
16. Aldrin <i>Aldrin</i>	LFOD-TST-SOP-8421 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.001	0.003	mg/kg	
17. Dieldrin <i>Dieldrin</i>	LFOD-TST-SOP-8421 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.001	0.003	mg/kg	
18. TDE (DDD), p,p'- <i>TDE (DDD), p,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
19. Endosulfan I <i>Endosulfan I</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
20. Endosulfan II <i>Endosulfan II</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
21. Endosulfan sulfate <i>Endosulfan sulfate</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
22. Gentamicin (sum of gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2, and gentamicin C2a) <i>Gentamicin (tổng của gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2, và gentamicin C2a)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
23. Streptomycin (sum of dihydrostreptomycin and streptomycin) <i>Streptomycin (tổng của dihydrostreptomycin và streptomycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
24. Dihydrostreptomycin <i>Dihydrostreptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000700978

Page N° 4/7

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
25. Streptomycin <i>Streptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
26. Chlortetracycline (sum of CTC and CTC-4-epi) <i>Chlortetracycline (tổng của CTC và CTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
27. Chlortetracycline (CTC) <i>Chlortetracycline (CTC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/kg	
28. Chlortetracycline-4-epi (CTC-4-epi) <i>Chlortetracycline-4-epi (CTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/kg	
29. Oxytetracycline (sum of OTC and OTC-4-epi) <i>Oxytetracycline (tổng của OTC và OTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
30. Oxytetracycline (OTC) <i>Oxytetracycline (OTC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
31. Oxytetracycline-4-epi (OTC-4-epi) <i>Oxytetracycline-4-epi (OTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
32. Tetracycline (sum of TC and TC-4-epi) <i>Tetracycline (tổng của TC và TC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
33. Tetracycline (TC) <i>Tetracycline (TC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
34. Tetracycline-4-epi (TC-4-epi) <i>Tetracycline-4-epi (TC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
35. Penicillin G (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (expressed as Benzylpenicillin)) <i>Penicillin G</i> (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (quy về Benzylpenicillin))	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000700978

Page N° 5/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
36. Spiramycin (sum of Spiramycin and Neospiramycin expressed as Spiramycin) <i>Spiramycin (tổng của Spiramycin và Neospiramycin được quy về Spiramycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
37. Spiramycin <i>Spiramycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
38. Neo Spiramycin <i>Neo Spiramycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
39. Antimony (Sb) <i>Antimon</i>	ISO 21424:2018 (IDF 243:2018)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.025	0.05	mg/kg	
40. Tin (Sn) <i>Thiếc</i>	ISO 21424:2018 (IDF 243:2018)	0.17	0.025	0.05	mg/kg	
41. Arsenic (As) <i>Asen</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
42. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0025	0.005	mg/kg	
43. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
44. Mercury (Hg) <i>Thủy ngân</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- g/100g = % (w/w); mL/100mL = % (v/v); mL/100g = % (v/w); g/100mL = % (w/v).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000700978

Page N° 6/7

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100 mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000659502 date September 07, 2024 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000659502 ngày 07/09/2024 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

Report N°: 0000700978

Page N° 7/7

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward,
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000700978

Page N° 1/7

Ho Chi Minh City, Date: October 14, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 14/10/2024

JOB NO.: 2407A-0862

Đơn hàng: 2407A-0862

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : FONTERRA BRANDS (VIETNAM) CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)

CLIENT'S ADDRESS : BITEXCO FINANCIAL TOWER, 2 HAI TRIEU STR., BEN NGHE WARD,
Địa chỉ : DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
TÒA NHÀ BITEXCO FINANCIAL, SỐ 02, ĐƯỜNG HẢI TRIỀU, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : ANLENE GOLD HƯƠNG VANI
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Dairy product (approx. gr. wt. 2.9kg) in 03 full labeled tin
Mô tả mẫu : containers
: Sản phẩm sữa (khoảng 2.9kg bao gồm bao bì) chứa trong 03 vật chứa bằng
thiếc nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2407A-0862.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : July 06, 2024
Ngày nhận mẫu : 06/07/2024

Testing period : July 06, 2024 - August 02, 2024
Thời gian thử nghiệm : 06/07/2024 - 02/08/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

Report N°: 0000700978

Page N° 2/7

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species) <i>Coagulase-positive staphylococci</i> (<i>Staphylococcus aureus</i> và nhóm khác dương tính với coagulase)	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	<10	-	10	cfu/g	
2. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
3. Enterobacteriaceae <i>Enterobacteriaceae</i>	ISO 21528-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
4. Listeria monocytogenes <i>Listeria monocytogenes</i>	ISO 11290-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
5. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.6	-	cfu/25g	
6. Staphylococcal enterotoxin A, B, C, D, E <i>Staphylococcal enterotoxin A, B, C, D, E</i>	ISO 19020:2017 (Δ)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.001	-	µg/25g	
7. Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1</i>	ISO 14501:2021	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	µg/kg	
8. Melamine <i>Melamine</i>	ISO 23970:2021	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
9. DDT (sum of p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE and p,p'-TDE (DDD), expressed as DDT) <i>DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD) quy về DDT)</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
10. Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate, expressed as endosulfan) <i>Endosulfan (tổng của endosulfan I, endosulfan II và endosulfan sulfate quy về endosulfan)</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000700978

Page N° 3/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
11. Aldrin and Dieldrin (sum, expressed as dieldrin) <i>Aldrin và Dieldrin (tổng, quy về dieldrin)</i>	LFOD-TST-SOP-8421 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
12. Cyfluthrin (sum of isomers) <i>Cyfluthrin (tổng các đồng phân)</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
13. DDT, o,p'- <i>DDT, o,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
14. DDT, p,p'- <i>DDT, p,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
15. DDE, p,p'- <i>DDE, p,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
16. Aldrin <i>Aldrin</i>	LFOD-TST-SOP-8421 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.001	0.003	mg/kg	
17. Dieldrin <i>Dieldrin</i>	LFOD-TST-SOP-8421 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.001	0.003	mg/kg	
18. TDE (DDD), p,p'- <i>TDE (DDD), p,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
19. Endosulfan I <i>Endosulfan I</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
20. Endosulfan II <i>Endosulfan II</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
21. Endosulfan sulfate <i>Endosulfan sulfate</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
22. Gentamicin (sum of gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2, and gentamicin C2a) <i>Gentamicin (tổng của gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2, và gentamicin C2a)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
23. Streptomycin (sum of dihydrostreptomycin and streptomycin) <i>Streptomycin (tổng của dihydrostreptomycin và streptomycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
24. Dihydrostreptomycin <i>Dihydrostreptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000700978

Page N° 4/7

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
25. Streptomycin <i>Streptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
26. Chlortetracycline (sum of CTC and CTC-4-epi) <i>Chlortetracycline (tổng của CTC và CTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
27. Chlortetracycline (CTC) <i>Chlortetracycline (CTC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/kg	
28. Chlortetracycline-4-epi (CTC-4-epi) <i>Chlortetracycline-4-epi (CTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/kg	
29. Oxytetracycline (sum of OTC and OTC-4-epi) <i>Oxytetracycline (tổng của OTC và OTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
30. Oxytetracycline (OTC) <i>Oxytetracycline (OTC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
31. Oxytetracycline-4-epi (OTC-4-epi) <i>Oxytetracycline-4-epi (OTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
32. Tetracycline (sum of TC and TC-4-epi) <i>Tetracycline (tổng của TC và TC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
33. Tetracycline (TC) <i>Tetracycline (TC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
34. Tetracycline-4-epi (TC-4-epi) <i>Tetracycline-4-epi (TC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
35. Penicillin G (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (expressed as Benzylpenicillin)) <i>Penicillin G (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (quy về Benzylpenicillin))</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000700978

Page N° 5/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
36. Spiramycin (sum of Spiramycin and Neospiramycin expressed as Spiramycin) <i>Spiramycin (tổng của Spiramycin và Neospiramycin được quy về Spiramycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
37. Spiramycin <i>Spiramycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
38. Neo Spiramycin <i>Neo Spiramycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
39. Antimony (Sb) <i>Antimon</i>	ISO 21424:2018 (IDF 243:2018)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.025	0.05	mg/kg	
40. Tin (Sn) <i>Thiếc</i>	ISO 21424:2018 (IDF 243:2018)	0.17	0.025	0.05	mg/kg	
41. Arsenic (As) <i>Asen</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
42. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0025	0.005	mg/kg	
43. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
44. Mercury (Hg) <i>Thủy ngân</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- g/100g = % (w/w); mL/100mL = % (v/v); mL/100g = % (v/w); g/100mL = % (w/v).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000700978

Page N° 6/7

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100 mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000659502 date September 07, 2024 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000659502 ngày 07/09/2024 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

Report N°: 0000700978

Page N° 7/7

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward,
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.